

UNIT 1: RELATIONSHIPS

D. GRAMMAR:

VOCABULARY:

Key Word	Phonetic Transcription	POS	Vietnamese Meaning
1. buddy	/'bʌdi/	n	người bạn
2. buddy movie	/'bʌdi 'mu:vi/	n	phim về tình bạn
3. star	/stɑ:(r)/	v	có (ai) đóng vai chính (trong phim)
4. sequel	/'si:kwəl/	n	phần tiếp theo
5. undercover	/ˌʌndə'kʌvə(r)/	adj	bí mật, nằm vùng
6. trail	/treil/	n	dấu vết
7. on the trail of	/ɒn ðə treil əv/	idiom	lần theo dấu vết
8. drug dealer	/drʌg 'di:lə(r)/	n	kẻ buôn ma túy
9. unfold	/ʌn'fəʊld/	v	mở ra, diễn ra
10. good-natured	/ˌɡʊd'neɪtʃəd/	adj	tốt bụng, hiền hậu
11. bromance	/'brəʊməns/	n	tình bạn thân thiết giữa nam giới

STRUCTURE:

QUANTIFIERS :

1. Some, any:

- Ta thường dùng “**some**” trong câu khẳng định và lời đề nghị, và “**any**” trong câu phủ định và câu hỏi.

Example:

We have got some milk and sugar.

We haven't got any milk or sugar.

Have we got any milk or sugar?

Would you like some milk and sugar in your tea?

- Ta dùng “**any**” với danh từ không đếm được và danh từ số nhiều trong câu khẳng định mang nghĩa phủ định.

Example:

He went out without any gloves on.

There is never any snow in the Caribbean.

- Ta có thể dùng “**any**” trong câu khẳng định để diễn đạt ý “bất kì, bất cứ”

Example:

Any songs by Taylor Swift are great!

2. No:

- Ta dùng “no” khi chúng ta muốn diễn đạt sự nhấn mạnh.

Example:

There's no need to be rude.

No clubs in town will be open yet.

3. Few, a few, little, a little:

- Ta dùng (a) **few** với danh từ số nhiều và (a) **little** với danh từ không đếm được.

Example:

He's only got a little free time this weekend.

A few students have already finished the test.

- Ta dùng **few/ little** thay vì **a few/ a little** để nhấn mạnh ý rất ít.

Example:

He has little money and few friends.

4. Whole, all:

- Ta thường dùng “**whole**” với danh từ đếm được số ít.

Example:

We've eaten a whole box of chocolates.

- Ta thường dùng “**all**” với danh từ không đếm được và danh từ số nhiều.

Example:

He listened to all (of) the songs on the album.

Have we finished all (of) the pasta?

6. Both, either, neither:

- Ta dùng “**both, either, neither**” để nói về 2 vật.

Example:

Both restaurants are quite new.

Neither book is very interesting.

We can get off the train at either stop.

***** Notes:**

- Hầu hết các lượng từ đều có thể được theo sau bởi “**of**” và 1 từ hạn định (the, these, my, etc.): most of the, a few of his, several of those, all of us, each of them, many of, etc. Sau “**both, all**”, ta thường lược bỏ “**of**” trước “**the**”.

Example: All (of) the children are in the playground.

- Tuy nhiên, “**no**” và “**every**” không được theo sau bởi “**of**”, thay vào đó, ta dùng “**none of**”, “**every one of**”, “**each of**”.

(None of theo sau là động từ số ít trong ngữ cảnh trang trọng)

Example:

Every one of us scored 100% in the test.

None of the boys in the band are over 20.

None of the boys in the band is over 20 (trong ngữ cảnh trang trọng).

Exercise: Choose A, B, C or D that best fits the blanks:

1. They have _____ close friends who understand them well.
A. few B. every one of C. both D. little
2. _____ of the sisters wanted to apologize first after their argument.
A. Any B. Neither C. Both D. Little
3. She didn't have _____ idea why he was upset with her.
A. little B. an C. some D. any
4. He gave her _____ attention, making her feel special and loved.
A. no B. few C. whole D. all
5. _____ time they spent together brought them closer.
A. Any B. Each C. Few D. All
6. After their disagreement, _____ of them wanted to continue the conversation.
A. some B. either C. both D. neither
7. They decided to go out for dinner since _____ of them wanted to cook.
A. either B. neither C. some D. any
8. _____ of the friends knew about their secret relationship.
A. None B. Some C. Every D. Both
9. He made _____ effort to communicate more openly with his partner.
A. few B. no C. little D. a little
10. _____ person at the meeting agreed that better communication was needed.
A. Few B. Little C. Every D. Any
11. She bought gifts for _____ of her children to make them feel loved.
A. both B. few C. neither D. every one of
12. They found _____ common interests and hobbies to share.
A. little B. no C. a few D. every
13. _____ friend she has is very supportive and understanding.
A. Little B. Any C. Each D. Some
14. _____ of the partners contributed equally to the project.
A. Any B. Some C. Both D. No
15. He didn't have _____ problems with trusting his new friend.
A. little B. any C. some D. every
16. They enjoyed _____ other's company during the weekend getaway.
A. some B. each C. every D. few
17. There was _____ doubt that they were meant to be together.
A. little B. few C. every D. no

18. _____ call he makes to her ends with a smile.
A. Few B. Each C. Either D. Some
19. They have _____ concerns about the future of their relationship.
A. a little B. every one of C. both D. a few
20. _____ time they argued, they learned something new about each other.
A. Any B. Few C. Every D. Neither